

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Đặng Huy Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 2 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 8, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng;

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị V, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 8, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại Hàn Quốc;

Anh Lê Văn C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Bùi Thị V vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Văn C trình bày:

Năm 2004, anh C và chị Bùi Thị V tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GC, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 18/10/2004. Quá

trình chung sống sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 3/2018, chị V sang Hàn Quốc lao động. Từ thời điểm đó, do xa cách nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn tin tưởng và yêu thương nhau. Anh chị hiện cũng không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Anh C không biết địa chỉ của chị V ở Hàn Quốc vì chị V không cho gia đình biết địa chỉ. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, anh C đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị V.

Về con chung: Anh C và chị V có 02 con chung là Lê Bùi Nguyên H, sinh ngày 18/10/2005 và Lê Nguyên D, sinh ngày 15/10/2011. Từ thời điểm chị V sang Hàn Quốc đến nay, hai cháu ở với anh C. Khi ly hôn, anh C có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh C và chị V không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Bùi Thị V: Vắng mặt tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do vắng mặt, công bố tóm tắt tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Theo Công văn số 1684/QLXNC-P5 ngày 31/01/2023 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, chị Bùi Thị V đã xuất cảnh gần nhất ngày 24/3/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị Bùi Thị V1 là chị gái của chị Bùi Thị V và tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 02/02/2023, chị V1 trình bày: Chị V có kết hôn với anh Lê Văn C vào ngày 18/10/2004 tại UBND xã GC, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một vài năm và sinh được hai con chung. Đến tháng 03/2018, chị V đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Từ đó đến nay, chị V không trở về Việt Nam. Do đó, giữa anh C và chị V phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Việc anh C làm đơn xin ly hôn với chị V, gia đình chị không có ý kiến gì. Chị V đi Hàn Quốc từ năm 2018 đến nay chưa trở về Việt Nam và chị V vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, mạng xã hội nhưng chị V không nói cho gia đình biết địa chỉ của chị V ở nước ngoài. Quan điểm của chị V là đồng ý ly hôn do chị đang ở nước ngoài nên cũng đồng ý giao cả 02 con chung cho anh C nuôi và đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Lê Văn C và chị Bùi Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết

hôn tại UBND xã GC, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai ngày 18/10/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị V sang Hàn Quốc lao động từ tháng 3/2018, đến nay không còn liên lạc, không còn liên quan đến nhau về tình cảm, kinh tế. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị V để ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống của anh C chị V không có hạnh phúc, do khoảng cách địa lý và sống xa nhau thời gian dài dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Bùi Nguyên H, sinh ngày 18/10/2005 và Lê Nguyên D, sinh ngày 15/10/2011. Ly hôn, anh C có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, vấn đề cấp dưỡng anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét nguyện vọng của anh C khi chị V đang sinh sống tại Hàn Quốc. Do vậy, cần áp dụng quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn C. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Lê Văn C: Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn C ly hôn với chị Bùi Thị V. Về con chung: Giao con chung là Lê Bùi Nguyên H, sinh ngày 18/10/2005 và Lê Nguyên D, sinh ngày 15/10/2011 cho anh Lê Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn C, hiện đang cư trú tại thành phố Hải Phòng có đơn xin ly hôn chị Bùi Thị V hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là anh Lê Văn C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Bùi Thị V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn C và chị Bùi Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã GC, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai ngày 18/10/2004 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày và các

tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cuộc sống chung của anh C và chị V đã mâu thuẫn xảy ra từ năm 2018 nhưng không có biện pháp khắc phục, nay anh chị ở xa cách nhau không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, không liên lạc với nhau trong một thời gian dài. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh C và chị V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh C xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc cũng là phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình chị V. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C về việc xin được ly hôn với chị V. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Lê Văn C được ly hôn với chị Bùi Thị V.

[4] Về con chung: Anh Lê Văn C và chị Bùi Thị V có 02 con chung tên là Lê Bùi Nguyên H, sinh ngày 18/10/2005 và Lê Nguyên D, sinh ngày 15/10/2011. Anh C đề nghị được nuôi cả 02 con do hiện nay chị V không có mặt tại Việt Nam, anh C nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh C, phù hợp với điều kiện hiện tại chị V không có mặt tại Việt Nam để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và phù hợp với nguyện vọng của các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh C, giao con Lê Bùi Nguyên H và Lê Nguyên D cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu, tạm thời Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Lê Văn C và chị Bùi Thị V không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Anh Lê Văn C là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Anh Lê Văn C và chị Bùi Thị V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn C, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn C được ly hôn chị Bùi Thị V

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Lê Bùi Nguyên H, sinh ngày 18/10/2005 và Lê Nguyên D, sinh ngày 15/10/2011 cho anh Lê Văn C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn C không yêu cầu, nên tạm thời Tòa án không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở, người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Văn C và chị Bùi Thị V không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0000897** ngày 12/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Lê Văn C đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Lê Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Chị Bùi Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã GC, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà